

Số: **5764** /CT- BNN-KH

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2017

CHỈ THỊ

Về xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, 3 năm 2018 - 2020



Thực hiện Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 5610/BKHĐT-TH ngày 11/7/2017, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ thị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển ngành; Kế hoạch phát triển của lĩnh vực, đơn vị; xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm 2018 – 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 với các yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Đánh giá sát, đúng thực chất tình hình triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ và thực hiện kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đơn vị và dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2017; trong đó, làm rõ các kết quả đạt được so với mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân (khách quan, chủ quan); các giải pháp để đạt mục tiêu tăng trưởng của ngành (3,05%) trong những tháng cuối năm.

Các đơn vị cần tập trung phân tích, đánh giá rõ: (1) Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành, lĩnh vực và của đơn vị; (2) Kết quả 4 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, 13 đề án/kế hoạch chuyên đề đã được Bộ phê duyệt; (3) Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới; (4) Hợp tác quốc tế, tháo gỡ rào cản, phát triển thị trường tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản (cả trong nước và xuất khẩu); (5) Đánh giá công tác xây dựng văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách; (6) Công tác cải cách hành chính, thực hiện các đột phá lớn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/2/2017 của Chính phủ; (7) Đánh giá công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm; (8) Tình hình thực hiện vốn đầu tư công và phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; (9) Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành và đời sống người dân; (10) Công tác

khoa học công nghệ và khuyến nông; (11) Công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đào tạo nghề cho lao động nông thôn; (12) Công tác thanh tra, thực hành tiết kiệm và phòng chống tham nhũng; (13) Công tác củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Bộ, của ngành; (14) Công tác quản lý tài chính và tài sản công...

2. Căn cứ các chương trình, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020, Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020; trên cơ sở kết quả đạt được năm 2017 và căn cứ vào các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch phát triển 5 năm 2016-2020 của ngành, lĩnh vực, Kế hoạch cơ cấu lại ngành giai đoạn 2017 – 2020, dự báo bối cảnh trong nước và thế giới, các đơn vị, địa phương xác định mục tiêu, chỉ tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; xây dựng kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm 2018 – 2020.

3. Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm phải được triển khai xây dựng đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị; đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 2018

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn giá trị gia tăng cao, trên cơ sở thực hiện cơ cấu lại ngành gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm: (1) Nâng cao giá trị, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của ngành, (2) Cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, xóa đói giảm nghèo và (3) Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, sinh thái; góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng của cả nước (6,4% - 6,8%).

2. Mục tiêu cụ thể

- Tốc độ tăng GDP nông lâm thủy sản khoảng 3,0% - 3,1%.
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất toàn ngành khoảng 3,3% - 3,5%.
- Giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản khoảng 34 - 35 tỷ USD.
- Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 41,6%.
- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới là 37%.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018

1. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, có giá trị gia tăng cao và hiệu quả

Cơ cấu lại ngành, lĩnh vực theo Kế hoạch cơ cấu lại giai đoạn 2017 - 2020 (đã trình Thủ tướng Chính phủ); tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch, chiến lược phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cụ thể và lựa chọn các nhiệm vụ, giải pháp đột phá cần tập trung thực hiện trong năm 2018 để tạo chuyển biến rõ rệt trong thực tiễn.

Cụ thể như sau:

a) Trồng trọt

Xây dựng kế hoạch thực hiện hiệu quả cơ cấu lại lĩnh vực trồng trọt. Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực quốc gia; đồng thời, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh trên cây trồng.

Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện để đạt mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 2,5 – 3%. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm trồng trọt đạt tối thiểu 16 tỷ USD.

b) Chăn nuôi

Xây dựng kế hoạch tiếp tục triển khai cơ cấu lại lĩnh vực chăn nuôi; hướng dẫn các địa phương điều chỉnh quy mô đàn gia súc, gia cầm phù hợp với nhu cầu thị trường; xác định các sản phẩm chăn nuôi chủ lực là lợi thế tại địa phương để tập trung đầu tư và phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu; phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực; đồng thời duy trì và phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi hữu cơ, sinh thái; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc thú y.

Xây dựng nhiệm vụ và giải pháp để đạt mục tiêu tăng trưởng giá trị sản xuất khoảng 4% - 5%.

c) Thủy sản

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu phát triển Kinh tế thủy sản bền vững và Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực thủy sản theo hướng nâng cao GTGT và phát triển bền vững; phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và giải pháp để đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất khoảng 6,0%. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt khoảng 7,5 tỷ USD.

d) Lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp và Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và giải pháp để đạt tốc độ tăng giá trị sản xuất khoảng 5,5% - 6%; tỷ lệ che phủ rừng đạt 41,6% và nâng cao thu nhập cho người dân làm nghề rừng; kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 7,5 – 7,7 tỷ USD.

đ) Công tác thủy lợi và phòng, chống thiên tai

Triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật Thủy lợi. Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung Đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai; đẩy mạnh các biện pháp phi công trình kết hợp với nâng cao năng lực phòng chống của cộng đồng.

e) Phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất muối

Phát triển mạnh hơn công nghiệp chế biến để vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa tiêu thụ kịp thời nông sản cho nông dân và đa dạng hóa sản phẩm cho tiêu dùng.

Xây dựng kế hoạch và nhiệm vụ để đạt tốc độ tăng GTSX công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản đạt khoảng 10%; tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch giảm 5%.

f) Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ nông sản

Xây dựng các nhiệm vụ và giải pháp phát triển thị trường, phấn đấu kim ngạch xuất khẩu tối thiểu đạt 34 – 35 tỷ USD; cụ thể:

Xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại, tháo gỡ rào cản cho từng thị trường và sản phẩm (nhất là đối với các sản phẩm đang có biểu hiện cung vượt cầu hoặc khó khăn về thị trường). Tập trung phát triển, khai thác cả thị trường truyền thống và thị trường tiềm năng cho các sản phẩm có sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao hoặc các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu lớn; phát triển lành mạnh thị trường biên mậu, chuyển dần xuất khẩu tiểu ngạch các mặt hàng nông lâm thủy sản sang hình thức chính ngạch.

Xây dựng các giải pháp cụ thể để tăng sức cạnh tranh cho nông sản và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao.

Các nhiệm vụ và giải pháp cụ thể phát triển thị trường trong nước, ổn định cung - cầu hàng hóa; tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, nhất là các sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe nhân dân.

2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Xây dựng kế hoạch nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để đạt mục tiêu 37% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 48 huyện đạt chuẩn, giảm số xã đạt dưới 05 tiêu chí/xã xuống dưới 100 xã.

Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cư dân nông thôn; hoàn thành hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu, đặc biệt ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình 30a; Chương trình di dân và ổn định dân cư, nhất là dân cư tại các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng,...

3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường

Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông lâm ngư nghiệp phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã được giao; tăng cường xây dựng và đề xuất các giải pháp, các dự án huy động xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp - nông thôn.

Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, tập trung bảo vệ môi trường và giảm thiểu phát thải. Khôi phục rừng phòng hộ, rừng ngập mặn ven biển, Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có và quỹ đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp.

Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành theo Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu.

4. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh và ban hành mới cơ chế, chính sách theo kế hoạch được Chính phủ giao và kế hoạch của Bộ đã ban hành cho giai đoạn 2017 – 2020. Đồng thời, phát hiện và đề xuất các cơ chế, chính sách mới để tháo gỡ khó khăn, tạo động lực mới cho tăng trưởng ngành; trong đó, tập trung nghiên cứu đề xuất:

Tập trung xây dựng nhiệm vụ và giải pháp để sửa đổi chính sách đất đai, khuyến khích tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ hiện đại, đẩy mạnh cơ giới hóa;

Hoàn thiện các chính sách nhằm đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, thu hút, khuyến khích đầu tư xã hội vào nông nghiệp, phát triển nông nghiệp

công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị, nhất là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp.

5. Phát triển mạnh khoa học công nghệ và khuyến nông

Xây dựng kế hoạch và giải pháp để thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, các giải pháp khoa học công nghệ mới tiên tiến. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với thị trường tiêu thụ một cách hiệu quả, bền vững.

Kế hoạch xây dựng các quy chuẩn, tiêu chuẩn phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, chất lượng và an toàn thực phẩm.

Kế hoạch phát triển khoa học công nghệ phải thể hiện rõ được vai trò “then chốt” để tạo đột phá trong cơ cấu lại ngành.

6. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp

Kế hoạch phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị. Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đến năm 2020”; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình và kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tập trung phát triển hiệu quả mô hình liên kết 5 nhà (nhà nông – nhà nước – nhà doanh nghiệp – nhà khoa học – nhà băng), tăng cường gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ sản phẩm.

Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Nghị quyết số 12-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

7. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế

Tăng cường nắm bắt tình hình, dự báo diễn biến quốc tế, điều chỉnh chính sách của các nước lớn để có đối sách phù hợp. Giữ ổn định và tăng cường thúc đẩy quan hệ với các quốc gia và các đối tác chủ chốt đi vào chiều sâu.

Xây dựng kế hoạch để chủ động và tích cực hội nhập quốc tế nhằm thu hút nguồn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác khoa học, đào tạo. Vận động và kêu gọi nhà tài trợ tham gia hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác và hội nhập quốc tế theo Quyết định số 1684/QĐ-TTg ngày 30/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030.

8. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm

Xây dựng kế hoạch tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện hiệu quả Chương trình giám sát chất lượng và vệ sinh ATTP nông sản, thủy sản.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý chất lượng các vật tư nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Chấn chỉnh công tác cấp phép, cấp chứng nhận đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Kịp thời phát hiện và giải quyết tốt những sự cố mất an toàn thực phẩm; xử lý dứt điểm việc sử dụng chất cấm trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nuôi trồng, chế biến thủy sản.

9. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch và nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, trình độ của lao động nông thôn.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đào tạo theo Đề án “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2014-2020” (Quyết định số 1323/QĐ-BNN-TCCB ngày 17/6/2014). Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo lao động nông nghiệp theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 và số 917/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Kế hoạch cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; xây dựng kế hoạch cụ thể của Bộ giai đoạn 2016-2020 thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020. Phát triển Chính phủ điện tử theo tinh thần Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ.

Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết 35/NQ-CP theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý ngành từ trung ương đến địa phương; phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương về các lĩnh vực: đầu tư, quản lý chất lượng nông sản, vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm... Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; giải quyết khiếu nại, tố cáo; làm rõ và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có sai phạm.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong quá trình thực hiện cơ cấu lại ngành; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, bôi nhọ đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản (cả trong nước và quốc tế). Đồng thời, thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm.

11. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân

Triển khai thực hiện Chiến lược thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm ngư nghiệp Việt Nam đến năm 2030; tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư để kêu gọi doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi, phát triển công nghiệp chế biến NLTS,...

Chuyên dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện; phát triển các hình thức đối tác công tư, hợp tác công tư.

III. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2018 – 2020 VÀ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2018

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2018. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới khi cân đối được nguồn; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

1. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018

a) Chi đầu tư phát triển:

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2018 (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ sẽ được Chính phủ trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XIV) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển ngành năm 2018, kế hoạch phát triển ngành 5 năm 2016-2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển phải thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP, Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT và các quy định hiện hành. Các dự án bố trí kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2018 phải có trong danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn, trừ dự án khẩn cấp theo quy định của Luật Đầu tư công; không bố trí kế hoạch vốn năm 2018 cho các dự án đến ngày 30/9/2017 giải ngân dưới 30% kế hoạch vốn giao đầu năm 2017.

Đối với các dự án bố trí vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 thấp hơn so với quyết định đầu tư phê duyệt, chủ đầu tư huy động đủ vốn hợp pháp theo tổng mức đầu tư được duyệt; nếu không huy động đủ vốn theo tổng mức đầu tư được duyệt, đề xuất cắt giảm quy mô, tiết kiệm TMĐT, xác định điểm dừng kỹ thuật, phân kỳ đầu tư để hoàn thành dự án, trình Bộ điều chỉnh quyết định đầu tư (không đề xuất bố trí bổ sung vốn từ NSTW); không bố trí vốn

năm 2018 các dự án chưa hoàn thành thủ tục điều chỉnh dự án (theo văn bản số 4790/BNN-KH ngày 12/6/2017).

b) Chi thường xuyên:

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, bảo đảm đúng chính sách, chế độ, trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2018. Dự toán chi thường xuyên phải bảo đảm triệt để tiết kiệm, gắn với việc tinh giảm biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, giảm tần suất và thắt chặt các khoản chi lễ hội, khánh tiết,... theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; mở rộng thực hiện khoán xe ô tô công..

Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ thực hiện nghiêm lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ, đẩy mạnh việc triển khai cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

c) Chi dự trữ quốc gia:

Căn cứ Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020, kế hoạch dự trữ quốc gia 5 năm 2016 - 2020, các đơn vị được Bộ giao quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi dự trữ quốc gia để tổng hợp chung vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2018 theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia trên tinh thần triệt để tiết kiệm, tập trung vào các mặt hàng thiết yếu, chiến lược; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

d) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, 3 chương trình mục tiêu, các đơn vị được Bộ giao chủ trì hướng dẫn các địa phương, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định.

đ) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Việc lập dự toán kế hoạch đầu tư công vốn ODA và vốn vay ưu đãi phải bảo đảm phù hợp với tiến độ cam kết theo Hiệp định đã ký với nhà tài trợ nước ngoài, khả năng thực hiện của dự án năm 2018 và trong phạm vi hạn mức quy định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch. Có tính toán dự báo về các hạn mức sau năm 2020 làm cơ sở cho việc chuẩn bị, đàm phán, hoàn thành thủ tục cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi mới.

Đối với mỗi chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi, khi lập dự toán cần phân định rõ loại tài trợ (vốn vay, vốn viện trợ), cơ chế tài chính (cấp phát, cho vay lại), tính chất đầu tư (xây dựng cơ bản, hành chính sự nghiệp) và thẩm quyền lập và giao kế hoạch (đối với các dự án Ô).

e) Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

2. Xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 5 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm, Vụ Tài chính hướng dẫn các đơn vị thực hiện lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2018 - 2020 gửi Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ, trong đó sử dụng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 trình cấp có thẩm quyền để xác định trần chi ngân sách, chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới cho năm 2018 và 02 năm tiếp theo.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Kế hoạch

- Chủ trì tổng hợp kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn năm 2018;

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018, gồm nguồn ngân sách tập trung, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, trái phiếu chính phủ, tín dụng phát triển.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ làm việc với Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài chính và các địa phương về kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018.

2. Vụ Tài chính

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 và lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018, xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2018 - 2020;

- Chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ kế hoạch chi ngân sách đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn sự nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ làm việc với Bộ Tài chính, bảo vệ dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 và kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm 2018 - 2020.

3. Các Tổng cục/Cục/Vụ thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT

Xây dựng Kế hoạch phát triển ngành, các tiểu ngành, lĩnh vực và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 (Theo khuôn mẫu báo cáo kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2492/QĐ-BNN-KH ngày 26/6/2015 của Bộ) và kế hoạch tài chính – ngân sách 3 năm 2018 – 2020 gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, làm việc với các Bộ ngành liên quan về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, 3 năm 2018 – 2020.

4. Các Viện, Trường, Trung tâm, Doanh nghiệp thuộc Bộ, Ban quản lý dự án và các đơn vị khác

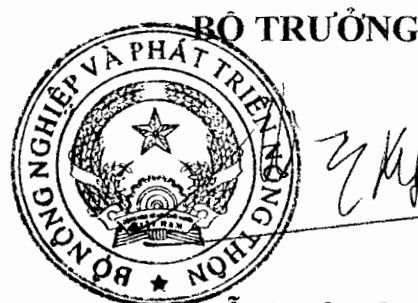
Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển năm 2018 của đơn vị; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư, dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2017 và đề xuất nhu cầu đầu tư, lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2018, 3 năm 2018 – 2020 gửi về Bộ để tổng hợp.

Việc xây dựng Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, 3 năm 2018 – 2020 có ý nghĩa hết sức quan trọng, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn ngành năm 2017, Bộ yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan trực thuộc tập trung xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn, dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, 3 năm 2018 – 2020 và gửi về Bộ (Vụ Kế hoạch và Vụ Tài chính) theo đường văn bản và theo thư điện tử (vukehoach@mard.gov.vn và vutaichinhbnn@mard.gov.vn) **trước ngày 30/7/2017** để báo cáo Chính phủ. Các hướng dẫn xây dựng kế hoạch và biểu mẫu kèm theo đăng tại Website của Vụ Kế hoạch: <http://vukehoach.mard.gov.vn>.

Trong quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đề nghị các đơn vị thuộc Bộ và các Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc bảo đảm chất lượng và thực hiện đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở NN và PTNT;
- Website Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, KH. (200)



Nguyễn Xuân Cường